

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/02/2024

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Nhận

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Luân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 617/2023/TLST-HNGĐ, ngày 11/12/2023 về việc “tranh chấp xin ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp X, xã A, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh B, sinh năm 1991

Địa chỉ: Khóm X, Phường Y, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị A có đơn xin vắng mặt; anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị A trình bày: Chị A và anh B chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/05/2014, tại Ủy ban nhân dân thị trấn Giá Rai (nay là Phường X), thị xã R, tỉnh Bạc Liêu. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 02 người con là cháu C, sinh ngày 13/07/2014; cháu D, sinh ngày 10/01/2018. Trong thời gian chung sống vợ chồng, chị A chịu rất nhiều áp lực, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh B có tính trăng hoa, ngoại tình trong thời

gian hôn nhân. Mặc dù hai bên gia đình điều biết và có ngăn cản nhưng anh B vẫn không thay đổi. Chị A nhận thấy cuộc hôn nhân giữa chị và anh B đã không còn hàn gắn được nữa, cuộc hôn nhân không hạnh phúc, nên chị xin được ly hôn. Giữa chị A và anh B cũng đã sống ly thân được 05 tháng, nên chị A yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn với anh Thiện. Về con chung khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Minh B đã được Toà án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên toà xét xử, nên Toà án không thể ghi nhận ý kiến của anh Thiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng không có lý do là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị A được ly hôn với anh Thiện. Về con chung giao 02 người con là cháu C, sinh ngày 13/07/2014; cháu D, sinh ngày 10/01/2018 cho chị A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị A không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị A và anh B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/05/2014, tại Ủy ban nhân dân thị trấn R (nay là Phường X), thị xã R, tỉnh Bạc Liêu theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nay chị A khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn anh B và nuôi con sau khi ly hôn nên đây

thuộc quan hệ “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn*”, anh B hiện đang cư trú tại Khóm 3, Phường 1, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã R theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị A là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; anh B là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn.

[3] Về hôn nhân:

[3.1] Sau khi kết hôn hợp pháp, chị A và anh B sống với nhau hòa thuận một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh B có tính trăng hoa, ngoại tình trong thời gian hôn nhân. Mặc dù hai bên gia đình điều biết và có ngăn cản nhưng anh B vẫn không thay đổi. Chị A nhận thấy cuộc hôn nhân giữa chị và anh B đã không còn hàn gắn được nữa, cuộc hôn nhân không hạnh phúc, nên tôi xin được ly hôn. Giữa chị A và anh B cũng đã sống ly thân được 05 tháng, nên chị A yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn với anh Thiện.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án đã hòa giải để chị A và anh B đoàn tụ nhưng chị A cương quyết ly hôn vì nhận thấy không còn tình cảm, cả hai không còn quan tâm nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Còn anh B mặc dù đã được triệu tập hợp lệ để tham gia hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do, nên không thể ghi nhận ý kiến của anh B. Mặc khác, hôn nhân phải dựa trên cơ sở tình yêu thương của cả hai vợ chồng, nhưng chị A cương quyết xin ly hôn, giữa chị A và anh B cũng sống ly thân thời gian dài, vì vậy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của ông bà đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị A và anh B có 02 người con là cháu Trương Dương Thành, sinh ngày 13/07/2014; cháu Trương Dương Nhã Uyên, sinh ngày 10/01/2018, khi ly hôn chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung vì từ khi sinh ra cho đến nay các cháu sống chung với chị và được chị trực tiếp chăm sóc, cho đi học. Trong thời gian sống ly thân anh B cũng không đến thăm con, cũng không gửi tiền để chi phí cho việc học tập của các con. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản xác minh ông Lâm Thành U Trưởng khóm X, Phường Y, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu xác định “ anh B và chị A có 02 người con chung, hiện tại các cháu đang sống với chị A tại nhà cha mẹ ruột chị A ”; căn cứ biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 19/12/2023 cháu C xác định “Cha mẹ không sống với nhau nữa thì cháu muốn sống với mẹ, vì mẹ rất thương cháu, từ trước đến nay cháu vẫn sống với mẹ, việc cháu muốn sống với mẹ là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép

buộc cháu phải sống với mẹ”; cũng tại biên bản ghi lời khai ngày 19/12/2023 chị A xác định hiện tại chị A làm vườn tôm, giúp việc cho chị gái tại nhà thu nhập 10.000.000 đồng/tháng; do làm công việc tại nhà nên chị có thời gian chăm sóc các con. Hiện tại cháu C, cháu D đang học trường gần nhà chị A, nguyện vọng của cháu C cũng mong muốn được tiếp tục sống với mẹ, do đó để tránh làm sáo trộn cuộc sống hiện tại của cháu C và cháu D, ảnh hưởng đến tâm sinh lý phát triển của cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A, tiếp tục giao cháu C và cháu D cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị A xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không có căn cứ xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị A phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Áp dụng khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51 và các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A được ly hôn với anh B.

2. Về con chung: Giao 02 người con là cháu C, sinh ngày 13/07/2014; cháu D, sinh ngày 10/01/2018 cho chị A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cháu C và cháu D hiện tại đang sống chung với chị A nên được giữ nguyên.

- Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị A không yêu cầu.

- Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc chị D A có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai thu số: 00008304, ngày 11/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã R, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND cùng cấp;
- CCTHADS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy